|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc** |
| **Điều kiện lao động loại VI** | | |
| 1 | Vận hành và bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân (lò năng lượng, lò nghiên cứu). | Thường xuyên tiếp xúc với nguồn phóng xạ. |
| 2 | Thực hiện công việc bảo đảm an toàn tại lò phản ứng hạt nhân. | Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ. |
| **Điều kiện lao động loại V** | | |
| 1 | Thực nghiệm công nghệ tuyển, xử lý quặng phóng xạ và đất hiếm. | Thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các chất phóng xạ (U, Th, Ra, Rn…), bụi quặng phóng xạ, ồn và các chất độc hại. |
| 2 | Thực nghiệm công nghệ chế tạo vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân. | Thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các chất phóng xạ (U, Th, Ra, Rn…) có cường độ cao, ồn, khí dễ cháy nổ, và các loại hóa chất độc hại. |
| 3 | Thực nghiệm xử lý, lưu giữ, quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng. | Thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các chất phóng xạ (U, Th, Ra, Rn…), bụi quặng phóng xạ, ồn, khí dễ cháy nổ, và các chất độc hại. |
| 4 | Trực tiếp vận hành, bảo dưỡng thiết bị bức xạ, thực nghiệm vật lý hạt nhân; thực nghiệm hóa học phóng xạ. | Thường xuyên tiếp xúc với nguồn phóng xạ. |
| 5 | Khai thác sử dụng các kênh neutron của lò phản ứng hạt nhân. | Khu vực làm việc chật hẹp, làm việc liên tục trong môi trường phóng xạ hỗn hợp neutron và gamma. |
| 6 | Sản xuất đồng vị phóng xạ và điều chế dược chất phóng xạ. | Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ. |
| 7 | Phân tích mẫu bằng kỹ thuật hạt nhân, chuẩn liều và hoạt độ phóng xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với phóng xạ. |
| 8 | Phân tích mẫu quặng và nguyên tố phóng xạ bằng các phương pháp vật lý, hóa học. | Thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các chất phóng xạ (U, Th, Ra, Rn…), bụi quặng phóng xạ, ồn, khí dễ cháy nổ, và các chất độc hại. |
| 9 | Tháo dỡ các cơ sở hạt nhân, thiết bị hạt nhân, quản lý công tác tẩy xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với chất phóng xạ và các vật liệu nhiễm bẩn phóng xạ. |
| 10 | Đo đạc, đánh giá an toàn bức xạ cho các cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân, cơ sở khai thác chế biến quặng phóng xạ. | Thường xuyên tiếp xúc với bức xạ ion hóa. |
| 11 | Kiểm tra, kiểm định, sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với bức xạ ion hóa. |
| 12 | Đóng gói, lưu giữ, vận chuyển các chất phóng xạ và dược chất phóng xạ. | Thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các chất phóng xạ, bụi chứa phóng xạ và các rủi ro khi vận chuyển. |
| 13 | Sử dụng các nguồn hoặc thiết bị bức xạ có tỷ số hoạt độ phóng xạ lớn hơn hoặc bằng 10. | Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ. |
| 14 | Thực hiện công việc đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở có dụng các nguồn hoặc thiết bị bức xạ có tỷ số hoạt độ phóng xạ lớn hơn hoặc bằng 10. | Tiếp xúc thường xuyên với nguồn phóng xạ. |
| 15 | Tìm kiếm, định vị, ứng phó sự cố, tẩy xạ các nguồn phóng xạ ngoài môi trường. | Công việc nặng nhọc, làm việc chủ yếu trong môi trường phóng xạ ngoài trời. |
| 16 | Thu hồi nguồn phóng xạ, áp tải vận chuyển nguồn phóng xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với nguồn phóng xạ, vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân với liều bức xạ gây nguy hiểm. |
| 17 | Tháo dỡ các cơ sở hạt nhân, thiết bị hạt nhân, quản lý công tác tẩy xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với chất phóng xạ và các vật liệu nhiễm bẩn phóng xạ. |
| 18 | Đo đạc, đánh giá an toàn bức xạ cho các cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân, cơ sở khai thác chế biến quặng phóng xạ. | Thường xuyên tiếp xúc với bức xạ ion hóa. |
| 19 | Kiểm tra, kiểm định, sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ. | Tiếp xúc trực tiếp với bức xạ ion hóa. |
| **Điều kiện lao động loại IV** | | |
| 1 | Làm công việc bức xạ trực tiếp, làm việc với các nguồn bức xạ khác có tỷ số hoạt độ phóng xạ nhỏ hơn 10. | Tiếp xúc trực tiếp với nguồn phóng xạ. |
| 2 | Thử nghiệm tương thích điện từ. | Tiếp xúc trực tiếp với điện từ trường. |